TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HN&GĐ-ST
Ngày 25/9/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh và ông Trần Văn Tích

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2021/TLST-HN&GĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2021, quyết định hoãn phiên toà số 15/2021/QĐST-HN&GĐ ngày 08/9/2021 của Toà án nhân dân huyện Kim Thành giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ngọc H – sinh năm 1995

ĐKHKTT: Thượng Đ – Thượng V – KT - HD

Trú tại: Chi Đ – Cộng H – NS – HD.

- Bị đơn: Anh Trần Văn V – sinh năm 1991

ĐKHKTT, trú tại: Thượng Đ – Thượng V – KT – HD

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Trần Văn V kết hôn ngày 01/4/2016 tại UBND xã Thượng V, huyện KT trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau cùng gia đình anh V tại thôn Thượng Đ, xã Thượng V, huyện KT và chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng luôn bất hòa, không tìm được tiếng nói chung, anh V mải chơi, không quan tâm gì đến gia đình nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, thường xuyên nghi ngờ, xúc phạm nhau, không có sự tôn trọng yêu

thương nhau. Chị cũng đã khuyên bảo và tha thứ cho anh V nhiều lần nhưng anh V vẫn chứng nào tật ấy, vẫn ham chơi, cầm cắm cả xe, điện thoại của chị nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở NS từ giữa năm 2020 cho tới nay và anh chị chính thức ly thân nhau từ đó cho tới nay, không ai còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Trong thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ thì anh V cũng không đến tìm chị nữa, thỉnh thoảng anh V có gọi điện cho chị nhưng cũng chỉ để hỏi thăm con, còn không nói chuyện vợ chồng đoàn tụ. Trước khi nộp đơn đến Toà án thì chị cũng đã nói cho anh Vũ biết, anh V bảo chị muốn ly hôn thì tự ly hôn một mình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị đề nghị được ly hôn với anh Trần Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 1 con chung: Trần Tuấn K – sinh ngày 20/5/2017. Hiện tại con chung đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị làm công ty Cheng Bright tại Lai Khê, xã Cộng Hoà, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng nên sẽ đảm bảo cho việc nuôi con, gia đình chị cũng luôn tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ăn ở, sinh hoạt cho mẹ con chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh V và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh V nhưng anh V đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng với đại diện UBND xã Thượng V đến gia đình của anh V để làm việc, nhưng anh V vắng mặt không có ở nhà nên Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh V theo quy định của pháp luật.

Toà án làm việc với ông Trần Văn Ph là bố đẻ của anh Trần Văn V xác định: Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh V có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh V mải chơi dẫn đến vay nợ. Mặt khác anh V cũng nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn xảy ra nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H có đơn ly hôn anh V, ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh V có 01 con chung là cháu Trần Tuấn K, hiện tại cháu Kiệt đang ở cùng chị H. Ông đề nghị Toà án giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng vì chị H nuôi con sẽ đảm bảo cuộc sống tốt hơn cho cháu K, hơn nữa cháu Kiệt còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, gia đình ông và anh V cũng bận

nhiều việc nên không thể chăm sóc tốt cho cháu Kiệt được. Các văn bản tố tụng của Toà án giao cho anh V gửi thông qua ông thì ông cũng đã giao tận tay cho anh V, anh V cầm đọc và nói đồng ý ly hôn với chị H nhưng bận việc không đến Toà án làm việc được. Anh V hiện vẫn sinh sống cùng gia đình ông.

Tại đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của chị H xác định: Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh V có phát sinh mâu thuẫn nên chị H và con chung của vợ chồng chị H, anh V đã về nhà bà ở tại thôn Chi Đ, xã Cộng H, huyện NS, tỉnh HD từ năm 2020 cho đến nay.

Toà án xác minh tại công an xã Thượng V xác định: Anh Trần Văn V hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú, sinh sống tại thôn Thượng Đ, xã Thượng V, huyện KT, tỉnh HD.

Toà án xác minh tại UBND xã Thượng V xác định: Chị Đặng Thị Ngọc H và anh Trần Văn V kết hôn năm 2016 tại UBND xã Thượng V. Trong quá trình chung sống chị H và anh V có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh V mải chơi dẫn đến việc vay nợ, mặt khác anh V nghi ngờ chị H có quan hệ với người đàn ông khác nên hai bên thường xuyên to tiếng, xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn xảy ra nên chị H đã về bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện NS sinh sống không còn chung sống cùng anh V nữa.

Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh V đến tham gia phiên tòa nhưng anh V vắng mặt. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập anh V đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh V vẫn vắng mặt. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử chị H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Chị vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện. Anh V đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Ngọc H được ly hôn anh Trần Văn V. Về con chung: Giao con chung: Trần Tuấn K – sinh ngày 20/5/2017 cho chị Đặng Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành

đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Đặng Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh V.

[2] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc H và anh Trần Văn V kết hôn năm 2016, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau đến cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có sự tin tưởng yêu thương nhau, anh V mải chơi, không quan tâm gì đến gia đình. Anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay nhưng anh V cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị Huế. Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, anh V không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án hòa giải; thể hiện việc anh V bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Chị H vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh V. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Huế và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Ngọc H xin được ly hôn anh Trần Văn V là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh V có 01 con chung: Trần Tuấn K – sinh ngày 20/5/2017. Xét thấy: Chị H có công việc, thu nhập ổn định, bố mẹ đẻ chị luôn tạo điều kiện cho chị để nuôi con, cháu Tuấn K còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho tới nay thì con chung vẫn ở cùng với chị H, chị H vẫn đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định, không bị xáo trộn cuộc sống của con chung nên Toà án giao con chung Trần Tuấn K – sinh ngày 20/5/2017 cho chị Đặng Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị H có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Ngọc H được ly hôn anh Trần Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Tuấn K – sinh ngày 20/5/2017 cho chị Đặng Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Đặng Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0001760 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Đặng Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Uỷ ban nhân dân xã Thượng V, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh